

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Add: Cụm CN Trường An, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành Phố Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III NĂM 2017

Hà Nội, ngày tháng.... năm 2017



DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	30/09/2017	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129,077,625,523	100,714,586,638
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	271,904,108	2,720,800,801
1. Tiền	111		271,904,108	2,720,800,801
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	10,500,000,000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,500,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76,591,454,227	59,602,365,316
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	19,726,789,616	27,215,021,024
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	29,611,628,267	31,418,885,353
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	27,392,556,544	1,010,314,999
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(139,520,200)	(41,856,060)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	39,138,003,755	34,575,859,028
1. Hàng tồn kho	141		39,191,322,739	34,575,859,028
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(53,318,984)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,576,263,433	3,815,561,493
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	154,635,514	116,203,518
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,419,724,514	3,697,454,571
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,903,405	1,903,404
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		109,761,664,779	146,298,996,009
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	30/09/2017	Số đầu năm
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		25,996,514,226	28,269,915,774
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	25,996,514,226	28,269,915,774
- Nguyên giá	222		30,758,368,556	30,653,914,011
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,761,854,330)	(2,383,998,237)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	77,334,285,714	108,420,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	75,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		77,334,285,714	33,420,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6,430,864,839	9,609,080,235
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	6,430,864,839	9,609,080,235
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		238,839,290,302	247,013,582,647
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		76,537,534,968	85,256,579,082
I. Nợ ngắn hạn	310		65,324,516,152	72,602,791,035
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	18,665,073,559	28,607,043,400

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	30/09/2017	Số đầu năm
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4,930,267,254	1,011,615,940
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.13	1,859,216,019	2,729,091,057
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	40,000,000	160,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	76,106,130	43,094,964
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	38,772,575,261	39,470,667,745
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		981,277,929	581,277,929
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11,213,018,816	12,653,788,047
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	11,213,018,816	12,653,788,047
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162,301,755,334	161,757,003,565
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	162,301,755,334	161,757,003,565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155,520,000,000	155,520,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	30/09/2017	Số đầu năm
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,162,555,858	1,162,555,858
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5,619,199,476	5,074,447,707
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8,847,707	2,498,761,421
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,610,351,769	2,575,686,286
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		238,839,290,302	247,013,582,647

NGƯỜI LẬP



Nông Kim Nhân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nông Kim Nhân

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Viết Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài

Tel: 04.3365 1244

Báo cáo tài chính

Quý III năm 2017

Mẫu số

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ III/2017

Đơn vị tính: VNĐ

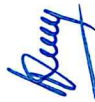
Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý III/2017	Quý III/2016	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	23,170,054,177	17,589,977,230	72,189,194,063	50,031,695,228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	87,274
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		23,170,054,177	17,589,977,230	72,189,194,063	50,031,607,954
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	19,283,701,649	15,542,353,787	59,438,747,314	43,377,892,479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		3,886,352,528	2,047,623,443	12,750,446,749	6,653,715,475
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	69,495,607	204,286,420	70,180,274	678,858,047
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1,086,818,446	919,635,830	3,283,143,268	1,897,938,566
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,086,818,446	-	3,274,106,293	-
8. Phân lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	145,539,973	104,234,360	500,939,537	241,935,724
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	468,360,984	324,720,957	1,593,807,188	1,185,269,145
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		2,255,128,732	903,318,716	7,442,737,030	4,007,430,087
12. Thu nhập khác	31	6.5	854,285,714	-	854,287,661	2,000,106
13. Chi phí khác	32	6.6	274,344,457	1,397	1,039,843,588	549,347
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		579,941,257	(1,397)	(185,555,927)	1,450,759
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		2,835,069,989	903,317,319	7,257,181,103	4,008,880,846
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	609,310,207	180,663,464	1,646,829,334	801,885,759
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		2,225,759,782	722,653,855	5,610,351,769	3,206,995,087

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ III/2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý III/2017	Quý III/2016	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		143	75	361	334
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

NGƯỜI LẬP



Nông Kim Nhân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nông Kim Nhân

Hà Nội, ngày ~~16~~ tháng 10 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Viết Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÁNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức,

Tel: 04.3365 1244

Báo cáo tài chính

Quý III năm 2017

Mẫu số
.....

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ III/2017

Đơn vị tính: VNĐ

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý
này(Năm 2016)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý
này(Năm 2017)

Thuyết minh

Chỉ tiêu

Mã chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm 2017)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm 2016)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7,257,181,103	4,008,884,062
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3,962,557,450	981,423,665
- Các khoản dự phòng	03		150,983,124	-
- Lợi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(9,036,975)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		70,180,274	(620,404,086)
- Chi phí lãi vay	06		3,274,106,293	1,867,828,303
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14,705,971,269	6,237,731,944
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10,835,322,881)	(22,576,828,678)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4,615,463,711)	15,287,222,683
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không ke lại vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6,980,182,399)	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,139,783,400	760,653,424
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,274,106,293)	1,867,828,303
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,750,840,092)	1,180,000,000
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	41,929,976,974

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ III/2017 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ
Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý
này(Năm 2016)

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm 2017)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm 2016)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(70,973,724,651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10,610,160,707)	(26,287,140,001)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(104,454,545)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		10,500,000,000	(21,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	16,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3,200,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7,700,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		70,180,274	113,184,536
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14,965,725,729	(5,386,815,464)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		62,807,819,193	53,726,665,823
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(64,946,680,908)	(23,393,401,343)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,665,600,000)	-

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ III/2017 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm 2017)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm 2016)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6,804,461,715)	30,333,264,480
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2,448,896,693)	(1,340,690,985)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2,720,800,801	2,947,250,305
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		271,904,108	1,606,559,320

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2017



NGƯỜI LẬP

Nguyễn Kim Nhân

Nông Kim Nhân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tùng

Nông Kim Nhân

Nguyễn Viết Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ 07 vào ngày 24 tháng 03 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 07 ngày 24/03/2017 là 155.520.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi lăm tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng chẵn*) tương đương 15.552.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, gia công và thương mại hàng may mặc.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn tổng hợp;
- Chuẩn bị mặt bằng; chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thực phẩm; chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất các sản phẩm nhựa.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng: Không.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 06- 10 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(tiếp theo) Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau: Các loại bút tất, các loại quần áo, vải, sợi.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường cụ thể và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nội do đó Công ty không lập báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý.

24. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B09a-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2017	01/01/2017
Tiền mặt	247,204,376	1,428,869,343
Tiền gửi ngân hàng	24,699,732	1,291,931,458
- Tiền gửi ngân hàng VND	12,402,469	1,255,222,335
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	1,272,858	1,211,662,228
NH TNHH Indovina	1,195,406	2,541,641
NH TMCP Quân đội	-	890,000
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	2,567,119
NH TMCP Kỹ thương Việt Nam	1,284,068	37,561,347
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	5,155,893	639,710
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1,004,872	1,001,821
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	-	6,567,353
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	15,743,598
NH VP bank	502,413	502,788
NHTMCP Quốc dân - CN Hà Nội	1,986,959	2,510,793
- Tiền gửi ngân hàng USD	12,297,263	9,743,060
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	8,609,448	8,609,448
NH TNHH Indovina	224,700	224,700
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội	908,912	908,912
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	2,554,203	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	271,904,108	2,720,800,801

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mẫu số B09a-DN**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	30/09/2017		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	77,334,285,714	-	93,420,000,000	-	
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	75,000,000,000	-	
<i>Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng</i>	-	-	75,000,000,000	-	
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	
- Đầu tư vào công ty khác	77,334,285,714	-	18,420,000,000	-	
<i>Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng</i>	40,714,285,714	-	-	-	
<i>Công ty CP Đầu tư NHP - tỷ lệ sở hữu 15%</i>	30,000,000,000	-	15,000,000,000	-	
<i>Công ty CP Dệt may Supertex - tỷ lệ sở hữu 19%</i>	3,420,000,000	-	3,420,000,000	-	
<i>Công ty CP Melange Việt Nam</i>	3,200,000,000	-	-	-	
Cộng	77,334,285,714	-	93,420,000,000	-	

(*) Xem Thuyết minh mục (iv) - Giá trị hợp lý, 8.1- Công cụ tài chính

Tinh hình hoạt động của công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B09a-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

5.3 Phải thu khách hàng

	30/09/2017	1/1/2017
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	19,726,789,616	27,215,021,024
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	6,252,997,268	15,082,039,766
<i>Công ty CP Đầu tư K&G Việt Nam</i>	-289,780,568	5,203,356,996
<i>Công ty TNHH Thương mại NTG Việt Nam</i>	4,157,603,980	6,923,508,914
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Quang Minh</i>	2,385,173,856	2,955,173,856
Phải thu khách hàng khác	13,473,792,348	12,132,981,258
Cộng	19,726,789,616	27,215,021,024
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		
<i>Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng</i>	-	
<i>Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng</i>	3,339,039,064	1,829,337,840
<i>Ông Nguyễn Viết Phúc</i>	-	
Cộng	3,339,039,064	1,829,337,840

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2017	01/01/2017
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	-	1,043,259,300
Công ty Cổ phần phụ liệu may mặc VTC	19,977,725,000	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Lữ hành Quốc tế Đại Minh	8,565,945,400	10,000,000,000
Các công ty khác	1,067,957,867	375,626,053
Cộng	29,611,628,267	31,418,885,353

5.5 Phải thu khác và phải thu về cho vay

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	27,392,556,544	-	1,010,314,999	-
- Phải thu khác	27,300,000,000	-	163,451,389	-
- Tạm ứng	92,556,544	-	846,863,610	-
<i>Ông Nguyễn Viết Tùng</i>	31,949,610		181,949,610	
<i>Các cá nhân khác</i>	60,606,934		664,914,000	
b) Dài hạn	-			
Cộng	27,392,556,544	-	1,010,314,999	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B09a-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

5.6 Nợ xấu

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Dưới 1 năm				
<i>Công ty TNHH Ecogarden Việt</i>				
<i>Nam</i>	139,520,200	139,520,200	139,520,200	97,664,140
Cộng	139,520,200	139,520,200	139,520,200	97,664,140

5.7 Hàng tồn kho

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường				-
Nguyên vật liệu	7,654,255,103	-	19,795,715,941	-
Công cụ, dụng cụ	331,970,820	-	329,742,740	-
Chi phí SXKD dở dang	693,328,427	-	131,505,051	-
Thành phẩm nhập kho	18,668,748,077	-	4,614,723,695	-
Hàng hóa	11,843,020,312	-	9,704,171,601	-
Cộng	39,191,322,739	-	34,575,859,028	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thu tại thời điểm lập báo cáo : 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo: 0 VND.

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	31,400,000	27,347,634,011	3,274,880,000	30,653,914,011
- Mua trong năm		104,454,545		104,454,545
Số dư cuối năm	31,400,000	27,452,088,556	3,274,880,000	30,758,368,556
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3,169,073	2,353,538,497	27,290,667	2,383,998,237
- Số khấu hao trong năm	7,849,998	2,124,390,092	245,616,003	2,377,856,093
- Thanh lý, nhượng bán				-
Số dư cuối năm	11,019,071	4,477,928,589	272,906,670	4,761,854,330
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	28,230,927	24,994,095,514	3,247,589,333	28,269,915,774
2. Tại ngày cuối năm	20,380,929	22,974,159,967	3,001,973,330	25,996,514,226

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng là 0 VND.

Nguyên giá tài sản cố định đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả là 23.461.506.011 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY PHÚ THÁNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

Mẫu số B09a-DN

	30/09/2017		Trong năm		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	38,776,902,942	38,776,902,942	62,807,819,193	63,501,583,996	39,470,667,745	39,470,667,745	
Vay ngân hàng VND	38,776,902,942	38,776,902,942	62,807,819,193	63,501,583,996	19,220,765,211	19,220,765,211	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh (2)	17,973,308,664	17,973,308,664	27,265,638,787	28,513,095,334	19,220,765,211	19,220,765,211	
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Ngô Quyền (3)	-	-	-	333,400,000	333,400,000	333,400,000	
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Kinh Đô(1)	2,437,626,000	2,437,626,000	3,036,626,000	599,000,000	-	-	
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (4)	18,365,968,278	18,365,968,278	32,505,554,406	34,056,088,662	19,916,502,534	19,916,502,534	
Vay các đối tượng khác	-	-	-	-	-	-	
b) Vay dài hạn	11,208,691,135	11,208,691,135	-	1,445,096,912	12,653,788,047	12,653,788,047	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (5)	2,753,713,500	2,753,713,500	-	370,000,000	3,123,713,500	3,123,713,500	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh (6)	1,435,746,866	1,435,746,866	-	794,327,681	2,230,074,547	2,230,074,547	
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (7)	7,019,230,769	7,019,230,769	-	280,769,231	7,300,000,000	7,300,000,000	
Cộng	49,985,594,077	49,985,594,077	62,807,819,193	64,946,680,908	52,124,455,792	52,124,455,792	

(1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 220517-2628713-01-SME ngày 31 tháng 5 năm 2017 vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Kinh Đô hạn mức tín dụng 3 tỷ đồng, thời hạn vay đến hết ngày 30 tháng 04 năm 2018, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6700554/HĐTD ngày 06 tháng 06 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

5.10 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)

(3) Hợp đồng tín dụng số 012216-030216-01-SME ngày 03 tháng 02 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền, hạn mức tín dụng 2 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 04/02/2016, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(4) Hợp đồng số 55/CTD/KHDN/VCBHT-MPT ngày 18 tháng 07 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, hạn mức tín dụng là 20 tỷ, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đứng tên ông Tạ Duy Lư và 01 bất động sản tại xóm Trần Phú, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, đứng tên ông Tạ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

(4) Hợp đồng tín dụng số 66/HM/16/KHDN/VCBHT-MPT ký ngày 04 tháng 08 năm 2016 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và Công ty Cổ phần May Phú Thành, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp là 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên ông Tạ Duy Lư, 01 bất động sản tại xóm Trần Phú, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên ông Tạ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên ông Tạ Duy Khánh.

(5) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/6700554/HĐTD tháng 5 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây; hạn mức tín dụng 3,7 tỷ đồng; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11% đến hết 30/06/2016 và được điều chỉnh vào ngày đầu mỗi quý; mục đích vay thanh toán tiền mua 5 máy dệt quần sịp mới.

(6) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6700554/HĐTD ngày 06 tháng 06 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay đầu tư 26 máy dệt quần Sịp, tài sản đảm bảo là 26 máy dệt quần Sịp.

(7) Hợp đồng tín dụng số 80/16/KHDN/VCBHT-MPT ký ngày 07 tháng 09 năm 2016 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và Công ty Cổ phần May Phú Thành, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cho vay 84 tháng, mục đích sử dụng là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện phương án đầu tư máy dệt kim và phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.

5.11 Tài sản khác

	30/09/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	154,635,514	116,203,518
b) Dài hạn	6,430,864,839	9,609,080,235
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	353,812,967	528,151,699
- Chi phí thuê, sửa chữa văn phòng	6,077,051,872	9,080,928,536
Cộng	6,585,500,353	9,725,283,753

5.12 Phải trả người bán

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	18,665,073,559	18,665,073,559	28,607,043,400	28,607,043,400
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	14,287,237,433	14,287,237,433	24,948,776,521	24,948,776,521
<i>Công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng</i>	<i>14,287,237,433</i>	<i>14,287,237,433</i>	<i>24,948,776,521</i>	<i>24,948,776,521</i>
Các khoản phải trả người bán khác	4,377,836,126	4,377,836,126	3,658,266,879	3,658,266,879
Cộng	18,665,073,559	18,665,073,559	28,607,043,400	28,607,043,400

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B09a-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

5.12 Phải trả người bán (tiếp)

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
<i>Công ty CP Delex Việt Nam</i>	-	-	469,200,000	469,200,000
<i>Công ty TNHH Thịnh Phát</i>	350,000,000	350,000,000	350,000,000	350,000,000
Cộng	350,000,000	350,000,000	819,200,000	819,200,000
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
<i>Công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng</i>	14,287,237,433	14,287,237,433	24,948,776,521	24,948,776,521
Cộng	14,287,237,433	14,287,237,433	24,948,776,521	24,948,776,521

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)	1/1/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/09/2017
- Thuế GTGT	-	-	-	-
- Thuế TNDN	2,729,091,057	1,646,829,334	2,750,840,092	1,625,080,299
- Thuế TNCN	-	234,135,720	-	234,135,720
- Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	659,490,631	659,490,631	-
Cộng	2,729,091,057	2,543,455,685	3,413,330,723	1,859,216,019
b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT nộp thừa	1,903,405	-	-	1,903,405
Cộng	1,903,405	-	-	1,903,405

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 Chi phí phải trả

	30/09/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	40,000,000	160,000,000
<i>Chi phí kiểm toán</i>	40,000,000	160,000,000
- Các khoản trích trước khác	0	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	40,000,000	160,000,000

5.15 Phải trả khác

	30/09/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	74,925,380	43,094,964
- Bảo hiểm xã hội	59,473,876	15,174,770
- Bảo hiểm y tế	10,749,673	20,185,225
- Bảo hiểm thất nghiệp	4,701,831	7,734,969
Cộng	74,925,380	43,094,964
b) Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mẫu số B09a-DN**5.16 . Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	155,520,000,000					2,498,761,421	158,018,761,421
Tăng vốn năm trước							-
Lãi trong năm trước						2,575,686,286	2,575,686,286
Tăng khác				-	1,162,555,858		1,162,555,858
<i>Trích lập các quỹ</i>					1,162,555,858		1,162,555,858
Giảm vốn trong năm trước							-
Giảm khác							-
Số dư cuối năm trước	155,520,000,000				1,162,555,858	5,074,447,707	161,757,003,565
Tăng vốn trong năm nay							-
Lãi trong năm nay						5,610,351,769	5,610,351,769
Tăng khác							-
<i>Trích lập các quỹ</i>							-
Giảm vốn trong năm nay							-
<i>Trích lập các quỹ</i>							-
Lỗ trong năm nay							-
Giảm khác						5,065,600,000	5,065,600,000
Số dư cuối năm nay	155,520,000,000				1,162,555,858	5,619,199,476	162,301,755,334

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/09/2017	01/01/2017
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	155,520,000,000	155,520,000,000
Cộng		155,520,000,000	155,520,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý 3/2017	Quý 3/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	155,520,000,000	96,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm (*)	-	-
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	155,520,000,000	96,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

	30/09/2017	Quý 3/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,552,000	9,600,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15,552,000	9,600,000
- Cổ phiếu phổ thông	15,552,000	9,600,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15,552,000	9,600,000
- Cổ phiếu phổ thông	15,552,000	9,600,000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 3/2017	Quý 3/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	2,225,759,782	722,653,855
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	15,552,000	9,600,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	143	75

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2017	Quý 3/2016
- Quỹ đầu tư phát triển	1,162,555,858	-
- Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn

...

d) Vàng tiền tệ

+ Số lượng

+ Giá trị

đ) Nợ khó đòi đã xử lý

+....

Nguyên nhân đã xóa sổ kế toán nợ khó đòi:

e) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KD****6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 3/2017	Quý 3/2016
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán, gia công quần áo	9,375,116,822	7,541,860,306
- Doanh thu bán các loại sợi, vải	9,572,560,875	5,645,021,000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

- Doanh thu bán bất tất	4,222,376,480	4,402,557,198
Cộng	23,170,054,177	17,589,977,230
b) Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	-	-
Công ty TNHH Dệt Kim Phú Vĩnh Hưng	-	-
Cộng	-	-
c) Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản		
6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý 3/2017	Quý 3/2016
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-
6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	Quý 3/2017	Quý 3/2016
- Giá vốn bán, gia công quần áo	6,585,681,043	6,664,055,078
- Giá vốn bán các loại sợi, vải	8,950,282,251	5,144,559,952
- Giá vốn bán hàng hóa khác	3,747,738,355	3,733,738,757
Cộng	19,283,701,649	15,542,353,787
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 3/2017	Quý 3/2016
Lãi tiền gửi, cho vay	69,495,607	204,286,420
Lãi từ hoạt động bán chứng khoán	-	-
Lãi từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	69,495,607	204,286,420
6.4 Chi phí tài chính	Quý 3/2017	Quý 3/2016
Lãi tiền vay	1,086,818,446	919,635,830
Chi phí hoạt động chứng khoán	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
Cộng	1,086,818,446	919,635,830
6.5 Thu nhập khác	Quý 3/2017	Quý 3/2016
- Thu nhập từ chuyển nhượng một phần vốn góp Công ty TNHH dệt kim Phú Vĩnh Hưng cho ông Nguyễn Quang Dũng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 250917/HDMB ký ngày 25/09/2017	714,285,714	-
- Các khoản thu nhập khác	140,000,000	-
Cộng	854,285,714	-
6.6 Chi phí khác	Quý 3/2017	Quý 3/2016
- Các khoản bị phạt	-	-
- Các khoản lãi nộp chậm, khác	274,329,851	1,397
Cộng	274,329,851	1,397
6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 3/2017	Quý 3/2016
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:	468,360,984	324,720,957
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	384,228,126	199,267,039
+ Chi phí nhân công quản lý	212,877,193	135,250,000
+ Chi phí trả trước, khấu hao	171,350,933	64,017,039
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	84,132,858	125,453,918
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	145,539,973	104,234,360
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	67,630,208	77,600,000
+ Chi phí nhân công	67,630,208	77,600,000
- Chi phí bán hàng khác	77,909,765	26,634,360
Cộng	613,900,957	428,955,317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Quý 3/2017	Quý 3/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,835,069,989	903,317,319
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	1,397
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	211,481,047	-
Số lỗ được chuyển từ các năm trước		
Thu nhập chịu thuế	3,046,551,036	903,318,716
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	609,310,207	180,663,743

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 3/2017	Quý 3/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7,246,178,531	6,235,926,427
Chi phí nhân công	693,918,431	845,008,000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	679,766,091	728,100,601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202,782,300	271,438,530
Chi phí bằng tiền khác	495,350,500	-
Cộng	9,317,995,853	8,080,473,558

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Đơn vị tính: VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	62,807,819,193
7.2 Số tiền thực tế trả gốc vay trong kỳ	
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	64,946,680,908

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

8.1 Công cụ tài chính (tiếp)

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/09/2017			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	271,904,108		271,904,108
Phải thu khách hàng	19,726,789,616		19,726,789,616
Đầu tư	-	77,334,285,714	77,334,285,714
Phải thu khác	27,392,556,544	-	27,392,556,544
Tài sản tài chính khác	2,576,263,433	6,430,864,839	9,007,128,272
Trừ			
Dự phòng phải thu khó đòi	139,520,200		139,520,200
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-		-
Tổng cộng	50,107,033,901	83,765,150,553	133,872,184,454
Ngày 30/09/2017			
Các khoản vay và nợ	38,772,575,261	11,213,018,816	49,985,594,077
Phải trả người bán	18,665,073,559		18,665,073,559
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	116,106,130		116,106,130
Tổng cộng	57,553,754,950	11,213,018,816	68,766,773,766
Chênh lệch thanh khoản thuần	(7,446,721,049)	72,552,131,737	65,105,410,688
Ngày 01/01/2017			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,720,800,801		2,720,800,801
Phải thu khách hàng	27,215,021,024		27,215,021,024
Đầu tư	-	108,420,000,000	108,420,000,000
Phải thu khác	1,010,314,999	-	1,010,314,999
Tài sản tài chính khác	3,815,561,493	9,609,080,235	13,424,641,728
Trừ			
Dự phòng phải thu khó đòi	-		-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-		-
Tổng cộng	34,761,698,317	118,029,080,235	152,790,778,552

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

Ngày 01/01/2017

Các khoản vay và nợ	39,470,667,745	12,653,788,047	52,124,455,792
Phải trả người bán	28,607,043,400		28,607,043,400
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	203,094,964		203,094,964
Tổng cộng	68,280,806,109	12,653,788,047	80,934,594,156
Chênh lệch thanh khoản thuần	(33,519,107,792)	105,375,292,188	71,856,184,396

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/09/2017	1/1/2017	30/09/2017	1/1/2017
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	77,334,285,714	108,420,000,000	77,334,285,714	108,420,000,000
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	47,119,346,160	28,225,336,023	46,979,825,960	28,225,336,023
<i>Tài sản tài chính khác</i>	9,007,128,272	13,424,641,728	9,007,128,272	13,424,641,728
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	271,904,108	2,720,800,801	271,904,108	2,720,800,801
Tổng cộng	133,732,664,254	152,790,778,552	133,593,144,054	152,790,778,552
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	49,985,594,077	52,124,455,792	49,985,594,077	52,124,455,792
Phải trả người bán	18,665,073,559	28,607,043,400	18,665,073,559	28,607,043,400
Phải trả khác	116,106,130	203,094,964	116,106,130	203,094,964
Tổng cộng	68,766,773,766	80,934,594,156	68,766,773,766	80,934,594,156

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/09/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**8.3 Thông tin về các bên liên quan**Các bên liên quan:

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Công ty liên doanh, liên kết, thành viên chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Thành viên chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình
Công ty CP Đầu tư NHP	Công ty liên doanh, liên kết
Bà Nguyễn Thị An	Thành viên chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền (VND)
---------------	---------	-----------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B09a-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2017

Ông Nguyễn Viết Tùng	Tổng giám đốc	Ủy thác quản lý vốn	2,000,000,000
Ông Nguyễn Viết Tùng	Tổng giám đốc	Rút vốn ủy thác quản lý	2,000,000,000
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Thành viên chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình	Thu tiền bán hàng	196,740,700
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Công ty liên doanh, liên kết, thành viên chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình	Mua hàng	12,685,549,660
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Công ty liên doanh, liên kết, thành viên chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình	Trả tiền mua hàng	18,612,748,377
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Thành viên chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình	Thu lại tiền ứng trước tiền hàng	2,093,259,300
Thu nhập của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng giám đốc:			
		<u>Quý 3/2017 (VND)</u>	<u>Quý 3/2016 (VND)</u>
Lương thưởng của Ban Tổng giám đốc		22,012,500	28,910,000
Thù lao và thưởng của HĐQT		-	-
Cộng		22,012,500	28,910,000

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và quý 3/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP**Nông Kim Nhân****KẾ TOÁN TRƯỞNG****Nông Kim Nhân****Nguyễn Viết Tùng**

